

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 03 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 36

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán, cho thuê xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại 80 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 53 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên
Ông Adrian Teng	Thành viên
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

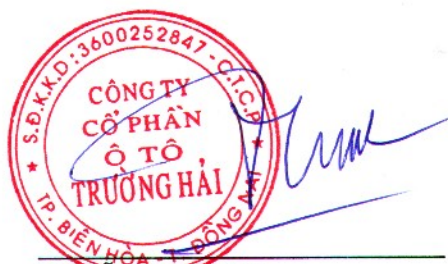
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 03 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Hùng Minh
Phó Chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Ngàn VND


Mã số	TÀI SẢN	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	53.444.905.260	49.668.341.572
110	I. Tiền	743.290.215	607.809.500
111	1. Tiền	743.290.215	607.809.500
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.476.694.760	2.622.741.246
121	1. Chứng khoán kinh doanh	7.905.321	176.645.721
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.468.789.439	2.446.095.525
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	18.577.952.349	17.417.644.352
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.744.305.096	4.305.533.780
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.145.403.541	8.770.677.881
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.649.075.178	1.073.907.030
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	4.084.766.609	3.313.062.834
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(47.926.619)	(48.044.714)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	2.328.544	2.507.541
140	IV. Hàng tồn kho	30.222.171.748	27.933.055.068
141	1. Hàng tồn kho	30.291.257.024	28.007.363.892
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(69.085.275)	(74.308.824)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	1.424.796.188	1.087.091.406
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	224.210.796	155.137.052
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	1.169.050.083	909.271.486
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	31.535.310	22.682.868
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	26.236.649.708	25.167.505.956
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	110.631.844	125.562.781
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	14.850.000	14.850.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	96.031.844	110.962.781
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(250.000)	(250.000)
220	II. Tài sản cố định	12.234.794.227	11.893.050.412
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7.929.210.762	7.566.186.006
222	Nguyên giá	12.014.152.907	11.775.509.996
223	Giá trị khấu hao lũy kế	(4.084.942.144)	(4.209.323.990)
227	2. Tài sản cố định vô hình	4.305.583.465	4.326.864.406
228	Nguyên giá	4.545.830.361	4.553.296.552
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(240.246.896)	(226.432.146)
230	III. Bất động sản đầu tư	2.224.388.436	2.235.917.925
231	1. Nguyên giá	2.271.584.691	2.271.584.691
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế	(47.196.255)	(35.666.766)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	7.262.402.414	6.450.764.966
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.262.402.414	6.450.764.966
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	68.919.987	68.919.987
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	6.419.618	6.419.618
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	62.500.369	62.500.369
260	VI. Tài sản dài hạn khác	4.335.512.801	4.393.289.885
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	473.602.486	473.216.110
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.212.986	1.455.411
269	3. Lợi thế thương mại	3.857.697.329	3.918.618.364
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	79.681.554.968	74.835.847.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	47.493.100.282	43.673.929.801
310	I. Nợ ngắn hạn	44.584.784.544	40.781.960.266
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.657.623.883	13.032.994.822
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.172.494.813	2.204.548.251
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	801.353.569	1.261.095.615
314	4. Phải trả người lao động	95.159.620	4.203.776
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.306.402.336	1.705.060.816
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	64.116.825	2.584.812
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	303.912.003	196.062.676
320	8. Vay ngắn hạn	27.049.658.692	22.270.191.916
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	122.526.920	93.670.295
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.535.883	11.547.283
330	II. Nợ dài hạn	2.908.315.738	2.891.969.535
331	1. Phải trả người bán dài hạn	3.031.509	-
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	526.954	757.983
337	3. Phải trả dài hạn khác	49.108.323	37.969.555
338	4. Vay dài hạn	2.623.434.766	2.618.559.721
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	205.297.967	205.297.967
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	26.916.219	29.384.309
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	32.188.454.686	31.161.917.727
410	I. Vốn chủ sở hữu	32.188.454.686	31.161.917.727
411	1. Vốn cổ phần	16.646.958.570	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	16.646.958.570	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	29.878.837	29.878.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	15.799.800	15.799.800
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.000.655	5.703.503
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.118.360.465	11.152.685.358
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	11.154.250.363	4.652.349.432
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	964.110.102	6.500.335.926
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3.374.456.359	3.377.850.229
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	79.681.554.968	74.835.847.528


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng




Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 04 năm 2019

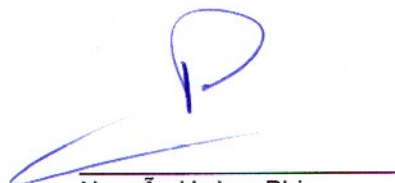
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý I.2019	Quý I.2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.339.351.659	13.307.735.871
02	2. Các khoản giảm trừ	(68.941.154)	(60.971.791)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.270.410.505	13.246.764.080
11	4. Giá vốn hàng bán	(9.933.662.843)	(10.761.306.857)
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.336.747.663	2.485.457.223
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	269.150.386	45.874.438
22	7. Chi phí tài chính	(475.274.869)	(464.508.388)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(285.474.802)	(125.634.475)
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-
25	9. Chi phí bán hàng	(589.212.184)	(422.193.315)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(518.214.433)	(448.194.043)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.023.196.562	1.196.435.915
31	12. Thu nhập khác	30.469.921	22.748.791
32	13. Chi phí khác	(35.077.795)	(87.482.786)
40	14. Lợi nhuận khác	(4.607.874)	(64.733.994)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.018.588.688	1.131.701.921
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(60.969.123)	(81.763.316)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.757.575)	(2.251.648)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	960.377.140	1.052.190.253
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	964.123.939	1.044.615.619
62	20. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(3.746.799)	7.574.634
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	580	630



Đỗ Thị Liên Chi
Người lập



Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019


Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Quý I.2019	Quý I.2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.018.588.688	1.131.701.921
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	477.069.867	368.882.608
03	Các khoản dự phòng	21.225.728	(2.689.577)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(69.426.757)	310.827.985
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	4.831.244	12.242.598
06	Chi phí lãi vay	285.474.802	125.634.475
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1.737.763.573	1.946.600.010
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(2.515.775.739)	(786.441.449)
10	Tăng giảm hàng tồn kho	(2.292.783.819)	337.128.940
11	Tăng, giảm các khoản phải trả	1.149.121.588	3.181.029.673
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	(43.561.313)	(20.194.837)
13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	168.740.400	123.676.637
14	Tiền lãi vay đã trả	(297.016.513)	(115.529.201)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(68.428.067)	(166.555.289)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.341.966	2.084.800
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(5.165.574)	(19.974.706)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.161.763.498)	4.481.824.579
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(2.129.788.229)	(571.144.165)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	94.781	2.948.080
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(589.352.807)	39.271.206
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	380.000	117.003
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24.478.786	25.533.202
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.694.187.468)	(503.274.674)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý I.2019	Quý I.2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	66.958.570	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	19.564.057.378	7.369.669.198
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(14.631.354.356)	(11.314.570.179)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(6.611.137)	(206.021)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	4.993.050.455	(3.945.107.001)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	137.099.489	33.442.904
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	607.809.500	450.085.202
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.618.775)	578.981
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	743.290.215	484.107.087


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT



Ngày 18 tháng 04 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch, và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán, cho thuê xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại 80 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 53 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 17.970 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 17.854).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019, Công ty có 61 công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
2. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải – KIA	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100
4. Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	99,99
5. Công ty TNHH Một thành viên Tổ hợp Cơ khí THACO Chu Lai	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
6. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ô tô khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
7. Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chu Lai – Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100
8. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải – Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
9. Công ty TNHH Phân Phối Ô tô Tải – Bus Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100
10. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Cao cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
11. Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
12. Soo Sung Motors Technology Co., Ltd	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
13. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Chu Lai – Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100
14. Công ty TNHH Một thành viên Gia công Thép Chu Lai – Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100
15. Công ty TNHH Một thành viên Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai – Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100
16. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
17. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
18. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Linh kiện Nội thất Ô tô Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
19. Trường Cao đẳng Thaco	Đào tạo	Đang hoạt động	100
20. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sản xuất Diệu Bằng	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
21. Công ty TNHH Một thành viên Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Ngưng hoạt động	100
22. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải – Bình Phước	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100
23. Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
24. Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100
25. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải – Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
26. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100
27. Công Ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường bộ Chu Lai – Trường Hải	Vận tải – Giao nhận – Phân phối	Đang hoạt động	100
28. Công Ty TNHH Một thành viên Huế Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
29. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
30. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
31. Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100
32. Công ty Cổ phần Vững Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
33. Công ty TNHH Một thành viên Ô tô Trường Hải – Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
34. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
35. Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai – Trường Hải	Sản xuất keo, chất dính	Đang hoạt động	100
36. Công ty TNHH Một thành viên Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
37. Công ty TNHH Một thành viên sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
38. Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100
39. Công ty TNHH Một thành viên Trường Phú	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
40. Công ty TNHH Sản xuất xe chuyên dụng Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
41. Công ty TNHH Trường Hải – Quảng Bình	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
42. Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh Kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
43. Công ty TNHH Sản xuất Khuôn Chu Lai – Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
44. Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
45. Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ô tô Vina	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
46. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Phú Yên	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	100
47. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất xe Bus Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
48. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh (“DQM”)	Mua bán bất động sản	Đang hoạt động	77,5
49. Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	77,5
50. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Ô tô Thaco - Mazda	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
51. Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	60
52. Công ty TNHH MTV SX Máy Nông Nghiệp Thaco	Sản xuất máy nông nghiệp	Đang hoạt động	100
53. Công ty TNHH SX Linh Kiện Nhựa Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
54. Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Đồng Nai	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	99,8
55. Công Ty CP Cơ Khí Ô Tô Nghệ An	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	99,24
56. Công Ty TNHH Sản Xuất Linh Kiện Thân Vỏ Ô Tô THACO	Sản xuất linh kiện ô tô	Trước hoạt động	100
57. Công Ty TNHH Sản Xuất Xe Du Lịch Chuyên Dụng Cao Cấp Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100
58. Công Ty CP Ô Tô Hưng Yên	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	99,80
59. Công Ty TNHH Sản Xuất và Lắp Ráp Ô Tô Du Lịch Châu Âu Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100
60. Công Ty TNHH Vận Tải Nông Sản Chuyên Dụng Thaco	Vận tải nông sản	Trước hoạt động	100
61. Công Ty CP Sản Xuất Chế Biến và Phân Phối Nông Sản THADI	Sản xuất, chế biến và phân phối nông sản	Trước hoạt động	70

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Xe và hàng tồn kho liên quan

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh đối với xe và bộ linh kiện (CKD) và theo phương pháp bình quân gia quyền đối với phụ tùng.
Phụ tùng, linh kiện và công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được khấu trừ.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà máy sản xuất và lắp ráp, phòng trưng bày, trung tâm thương mại xe, các dự án dưới hình thức hợp đồng xây dựng và chuyển giao, nhà cửa, vật kiến trúc và các chi phí trực tiếp khác của Tập đoàn mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Khu thương mại, trường học và tầng hầm 45 - 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Bất động sản đầu tư (tiếp theo)*

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.13 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các khoản dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu chuyển nhượng căn hộ và nhà phố

Đối với các căn hộ và nhà phố mà Tập đoàn bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ và nhà phố đã được chuyển giao sang người mua.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.23 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền mặt	52.872.023	64.793.143
Tiền gửi ngân hàng	683.670.692	542.717.357
Tiền đang chuyển	6.747.500	299.000
TỔNG CỘNG	<u>743.290.215</u>	<u>607.809.500</u>

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019		Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư ủy thác vào cổ phiếu	<u>7.905.321</u>	<u>7.905.321</u>	<u>176.645.721</u>	<u>176.645.721</u>

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trái phiếu chuyển đổi	2.216.880.000	2.216.880.000
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn (i)	251.909.439	229.215.525
TỔNG CỘNG	<u>2.468.789.439</u>	<u>2.446.095.525</u>

(i) Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không quá một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Các bên khác	<u>3.744.305.096</u>	<u>4.305.533.780</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.744.305.096</u>	<u>4.305.533.780</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(26.883.822)</u>	<u>(27.001.917)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.717.421.274</u>	<u>4.278.531.863</u>

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.145.403.541	8.770.677.881
TỔNG CỘNG	9.145.403.541	8.770.677.881

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bên khác	1.649.075.178	1.073.907.030
TỔNG CỘNG	1.649.075.178	1.073.907.030
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.042.797)	(21.042.797)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.628.032.381	1.052.864.233

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018
NGẮN HẠN	4.084.766.609	3.313.062.834
Tạm ứng, thuế nhập khẩu, tiền thuê đất	3.823.293.477	3.146.101.805
Thu chi hộ	21.429.632	19.289.179
Ký quỹ mở thư tín dụng	23.126.520	19.549.484
Khác	216.916.981	128.122.366
DÀI HẠN	96.031.844	110.962.781
Ký cược, ký quỹ	96.031.844	110.962.781
TỔNG CỘNG	4.180.798.453	3.424.025.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

10. HÀNG TỒN KHO

Chi tiêu	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 03 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Bất động sản dở dang	9.427.799.032	-	9.171.991.671	-
Thành phẩm	3.656.425.405	(22.475.027)	3.132.245.108	(26.910.704)
Nguyên vật liệu	4.219.853.129	(16.629.008)	3.197.733.408	(17.261.900)
Hàng mua đang đi trên đường	6.309.585.133	-	7.390.842.979	-
Hàng hóa	5.739.135.348	(29.981.240)	4.313.148.450	(30.136.220)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	919.968.513	-	778.123.685	-
Công cụ, dụng cụ	18.490.464	-	23.278.591	-
TỔNG CỘNG	<u>30.291.257.024</u>	<u>(69.085.275)</u>	<u>28.007.363.892</u>	<u>(74.308.824)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Số đầu kỳ	(74.308.824)	(74.587.044)
Cộng: Dự phòng lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	5.223.549	278.220
Số cuối kỳ	<u>(69.085.275)</u>	<u>(74.308.824)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
I - Nguyên giá TSCĐ						
1. Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.892.363.482	5.720.723.609	912.419.263	168.950.162	81.053.480	11.775.509.996
2. Số tăng trong kỳ	131.793.148	373.330.392	86.280.455	2.331.196	1.342.912	595.078.103
- Mua sắm mới	8.180.033	43.178.881	86.280.455	752.995	1.337.980	139.730.344
- Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành	121.146.528	297.181.567	-	947.408	-	419.275.503
- Tăng khác	2.466.587	32.969.944	-	630.793	4.932	36.072.256
3. Số giảm trong kỳ	136.615.071	205.853.766	7.881.949	6.084.407	-	356.435.193
- Thanh lý	6.077.904	5.877.596	671.604	1.202.496	-	13.829.600
- Giảm khác	130.537.167	199.976.170	7.210.345	4.881.911	-	342.605.593
4. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	4.887.541.559	5.888.200.235	990.817.769	165.196.951	82.396.392	12.014.152.906
II - Giá trị đã hao mòn						
1. Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2018	(1.329.067.971)	(2.326.173.099)	(401.827.418)	(106.148.941)	(46.106.561)	(4.209.323.990)
2. Số tăng trong kỳ	(247.998.676)	(28.149.615)	(27.454.413)	(4.178.005)	(234.301)	(308.015.010)
- Khấu hao trong kỳ	(247.998.676)	(28.149.615)	(27.454.413)	(4.178.005)	(234.301)	(308.015.010)
3. Số giảm trong kỳ	(136.615.071)	(278.531.209)	(7.356.080)	(4.881.911)	(5.012.584)	(432.396.855)
- Thanh lý	(136.615.071)	(278.531.209)	(7.356.080)	(4.881.911)	(5.012.584)	(432.396.855)
4. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	(1.440.451.576)	(2.075.791.505)	(421.925.751)	(105.445.035)	(41.328.278)	(4.084.942.145)
III - Giá trị còn lại						
1. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	3.563.295.511	3.394.550.510	510.591.845	62.801.221	34.946.919	7.566.186.006
2. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	3.447.089.983	3.812.408.730	568.892.018	59.751.916	41.068.114	7.929.210.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tài sản khác	Tổng cộng
<i>Ngàn VND</i>					
I - Nguyên giá TSCĐ					
1. Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.466.027.402	56.261.781	421.178	30.586.191	4.553.296.552
2. Số tăng trong kỳ	-	393.307	-	(3.541.060)	(3.147.753)
+ Mua sắm mới	-	182.515	-	-	182.515
+ Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành	-	68.015	-	-	68.015
+ Tăng khác	-	142.777	-	(3.541.060)	(3.398.283)
3. Số giảm trong kỳ	4.206.148	112.290	-	-	4.318.438
+ Giảm khác	4.206.148	112.290	-	-	4.318.438
4. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	4.461.821.254	56.542.798	421.178	27.045.131	4.545.830.361
II - Giá trị đã hao mòn					
1. Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2018	(168.913.354)	(28.922.655)	(421.178)	(28.174.959)	(226.432.146)
2. Số tăng trong kỳ	(13.152.109)	(2.929.285)	-	-	(16.081.394)
- Khấu hao trong kỳ	(13.152.109)	(2.929.285)	-	-	(16.081.394)
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	(112.290)	-	(2.154.353)	(2.266.643)
4. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	(182.065.463)	(31.739.650)	(421.178)	(26.020.606)	(240.246.897)
III - Giá trị còn lại					
1. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.297.114.048	27.339.126	-	2.411.232	4.326.864.406
2. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	4.279.755.791	24.803.148	-	1.024.525	4.305.583.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bất động sản đầu tư	<u>2.224.388.436</u>	<u>2.235.917.925</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.262.402.414	6.450.764.966
TỔNG CỘNG	<u>7.262.402.414</u>	<u>6.450.764.966</u>

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đầu tư vào công ty liên kết	6.419.618	6.419.618
Đầu tư vào đơn vị khác	62.500.369	62.500.369
TỔNG CỘNG	<u>68.919.987</u>	<u>68.919.987</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>68.919.987</u>	<u>68.919.987</u>

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH Ô tô Thaco - KIA Đà Nẵng	50	4.500.000	50	4.500.000
Công ty TNHH Thương mại Vô xe Triều Hải	30	<u>2.655.347</u>	30	<u>2.655.347</u>
TỔNG CỘNG		<u>7.155.347</u>		<u>7.155.347</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

	Ngàn VND Số tiền
Giá trị đầu tư:	
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 03 năm 2019	<u>7.155.347</u>
Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	(735.729)
Phần lãi từ công ty liên kết trong kỳ	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	<u>(735.729)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>6.419.618</u>
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	<u>6.419.618</u>

15.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngàn VND			
	<u>Ngày 31 tháng 03 năm 2019</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</u>	
	Số cổ phần	Giá gốc	Số cổ phần	Giá gốc
		Ngàn VND		Ngàn VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.727.800	<u>62.500.369</u>	3.727.800	<u>62.500.369</u>

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	<u>Ngày 31 tháng 03 năm 2019</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</u>
NGẮN HẠN	224.210.796	155.137.052
Chi phí thuê	73.298.535	25.257.151
Công cụ và thiết bị đang dùng	62.765.647	43.768.318
Chi phí bảo trì và sửa chữa	22.486.090	11.969.195
Chi phí quảng cáo	17.545.820	22.798.706
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	6.443.613	7.173.672
Khác	41.671.091	44.170.011
DÀI HẠN	473.602.485	473.216.110
Công cụ, dụng cụ đang dùng	150.521.974	151.930.182
Phí thuê nhà máy, văn phòng và mặt bằng	130.714.507	133.870.340
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	76.020.448	64.599.464
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	49.148.300	53.642.211
Chi phí đền bù	30.897.291	31.627.148
Chi phí quảng cáo	19.621.169	21.079.414
Khác	16.678.796	16.467.351
TỔNG CỘNG	<u>697.813.281</u>	<u>628.353.162</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Ngàn VND</i> <i>Số tiền</i>
Nguyên giá:	
Số đầu kỳ 31 tháng 12 năm 2018	3.918.618.364
Tăng trong kỳ	76.671.220
Số cuối kỳ 31 tháng 03 năm 2019	<u>3.995.289.584</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu kỳ 31 tháng 12 năm 2018	(2.484.349.570)
Hao mòn trong kỳ	(137.592.254)
Số cuối kỳ 31 tháng 03 năm 2019	<u>(2.621.941.824)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu kỳ 31 tháng 12 năm 2018	<u>3.918.618.364</u>
Số cuối kỳ 31 tháng 03 năm 2019	<u><u>3.857.697.329</u></u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 03</i> <i>năm 2019</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2018</i>
Phải trả người bán bên khác	12.657.623.883	13.032.994.823
TỔNG CỘNG	<u>12.657.623.883</u>	<u>13.032.994.823</u>

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 03</i> <i>năm 2019</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2018</i>
Các bên khác	2.172.494.813	2.204.548.251
TỔNG CỘNG	<u>2.172.494.813</u>	<u>2.204.548.251</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2018</i>	<i>Tăng</i> <i>trong kỳ</i>	<i>Giảm</i> <i>trong kỳ</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Ngày 31 tháng 03</i> <i>năm 2019</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	909.271.486	6.021.997.542	(5.751.386.490)	1.179.882.539
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.659.606	-	(1.980.013)	20.679.593
Khác	23.262	-	-	23.261
TỔNG CỘNG	<u>931.954.354</u>	<u>6.021.997.542</u>	<u>(5.753.366.503)</u>	<u>1.200.585.393</u>
Phải nộp				
Thuế tiêu thụ đặc biệt	804.282.473	3.046.896.130	(3.184.440.287)	666.738.315
Thuế giá trị gia tăng	183.373.455	6.411.380.584	(6.559.638.472)	35.115.567
Thuế xuất nhập khẩu	4.586.848	1.495.913.801	(1.491.572.899)	8.927.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp	244.757.975	72.732.670	(251.638.256)	65.852.389
Khác	24.094.863	60.592.758	(59.968.075)	24.719.546
TỔNG CỘNG	<u>1.261.095.614</u>	<u>11.087.515.943</u>	<u>(11.547.257.989)</u>	<u>801.353.569</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí xây dựng	953.775.058	1.102.443.335
Lương tháng 13	101.273.313	301.005.489
Lãi vay	74.770.707	116.985.395
Mua nguyên vật liệu	94.926.089	69.908.664
Chi phí bảo hiểm, bảo hành	16.537.782	45.452.788
Chi phí vận chuyển	5.728.162	2.577.416
Khác	59.391.225	66.687.729
TỔNG CỘNG	1.306.402.336	1.705.060.816

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
NGẮN HẠN	303.912.003	196.062.676
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	34.303.252	27.064.239
Nhận ký quỹ, ký cược	11.853.664	12.827.559
Cổ tức phải trả	2.859.423	9.818.514
Thu hộ	9.719.591	7.404.561
Tài sản thừa chờ xử lý	1.182.696	1.126.512
Khác	243.993.377	137.821.291
DÀI HẠN	49.108.323	37.969.555
Nhận ký quỹ, ký cược	49.108.323	37.969.555
TỔNG CỘNG	353.020.326	234.032.231

23. VAY

	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
NGẮN HẠN	27.049.658.692	22.270.191.919
Vay ngân hàng	27.046.571.071	22.267.104.298
Vay từ bên khác	3.087.621	3.087.621
DÀI HẠN	2.623.434.766	2.618.559.722
Vay ngân hàng	2.623.145.036	2.618.269.992
Vay từ bên khác	289.730	289.730
TỔNG CỘNG	29.673.093.458	24.888.751.641

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngân VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán Ngày 31 tháng 12 năm 2018							
Số đầu kỳ	16.580.000.000	29.878.837	15.799.800	-	3.939.067	8.633.342.636	25.262.960.340
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	426.900.031	426.900.031
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	6.073.543.246	6.073.543.246
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.797.751)	(1.797.751)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(3.979.200.000)	(3.979.200.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	1.764.436	-	1.764.436
Khác	-	-	-	-	-	(102.797)	(102.797)
Số cuối kỳ	16.580.000.000	29.878.837	15.799.800	-	5.703.503	11.152.685.365	27.784.067.505
Cho kỳ kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2018							
Số đầu kỳ	16.580.000.000	29.878.837	15.799.800	-	5.703.503	11.152.685.365	27.784.067.505
Tăng vốn trong kỳ	66.958.570	-	-	-	-	-	66.958.570
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	964.123.939	964.123.939
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(2.702.848)	-	(2.702.848)
Khác	-	-	-	-	-	1.551.160	1.551.160
Số cuối kỳ	16.646.958.570	29.878.837	15.799.800	-	3.000.655	12.118.360.465	28.813.998.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 03 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	1.432.696.396	14.326.963.960	86,06	1.432.292.396	14.322.923.960	86,39
Cổ đông cá nhân	231.999.461	2.253.036.040	13,94	225.707.604	2.257.076.040	13,61
TỔNG CỘNG	1.664.695.857	16.646.958.570	100	1.658.000.000	16.580.000.000	100

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán Quý I.2019	Ngàn VND Cho kỳ kế toán Quý I.2018
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	16.580.000.000	16.580.000.000
Số tăng trong kỳ	66.958.570	-
Số cuối kỳ	<u>16.646.958.570</u>	<u>16.580.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố bằng tiền	-	3.979.200.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	7.266.344	3.971.319.684

24.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Cổ phiếu đã được duyệt	1.664.695.857	1.658.000.000
Cổ phiếu đã đã phát hành và góp vốn đủ	1.664.695.857	1.658.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.664.695.857</i>	<i>1.658.000.000</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	1.658.000.000	1.658.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.658.000.000</i>	<i>1.658.000.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Ngàn VND	
	Quý I.2019	Quý I.2018
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (ngàn VND)	964.124	1.044.616
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	1.658.000	1.658.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	580	630

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Quý I.2019	Quý I.2018
Doanh thu gộp	12.339.351.659	13.307.735.871
Trong đó:		
Doanh thu bán xe các loại	11.270.792.168	12.373.804.077
Doanh thu cung cấp dịch vụ và bất động sản	832.212.692	789.078.553
Doanh thu bán phụ tùng	187.312.936	131.210.149
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	49.033.863	13.643.092
Các khoản giảm trừ	(68.941.154)	(60.971.791)
Chiết khấu thương mại	(68.941.154)	(60.971.791)
Doanh thu thuần	12.270.410.505	13.246.764.080
Trong đó:		
Doanh thu bán xe các loại	11.206.041.804	12.313.255.168
Doanh thu cung cấp dịch vụ và bất động sản	828.583.806	789.078.553
Doanh thu bán phụ tùng	186.751.032	130.787.267
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	49.033.863	13.643.092

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Quý I.2019	Quý I.2018
Lãi cho vay	2.339.977	1.470.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	214.834.384	10.375.435
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.985.956	8.735.700
Khác	41.990.069	25.293.303
TỔNG CỘNG	269.150.386	45.874.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I.2019</i>	<i>Quý I.2018</i>
Giá vốn của xe	9.097.082.611	10.033.700.671
Giá vốn dịch vụ và bất động sản	645.603.275	609.071.175
Giá vốn của phụ tùng	149.768.384	106.094.963
Khác	41.208.573	12.440.048
TỔNG CỘNG	<u>9.933.662.843</u>	<u>10.761.306.857</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I.2019</i>	<i>Quý I.2018</i>
CHI PHÍ BÁN HÀNG	589.212.184	422.193.315
Chi phí lương nhân viên	203.805.090	132.162.262
Chi phí tiếp thị, quảng cáo	110.790.829	46.932.500
Chi phí vận chuyển	87.541.486	113.920.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.426.310	61.881.277
Chi phí bảo hành	62.517.878	28.002.712
Chi phí khấu hao và hao mòn	26.836.029	19.658.815
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	321.628	9.063.976
Chi phí khác	10.972.934	10.570.939
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	518.214.433	448.194.043
Chi phí lương nhân viên	215.108.772	167.350.252
Phân bổ lợi thế thương mại	133.640.783	142.687.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.213.448	45.011.312
Chi phí khấu hao và hao mòn	51.378.331	46.077.583
Chi phí tài trợ, truyền thông, quảng cáo	16.201.841	34.036.926
Chi phí khác	39.671.258	13.030.083
TỔNG CỘNG	<u>1.107.426.617</u>	<u>870.387.358</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I.2019</i>	<i>Quý I.2018</i>
Chi phí lãi vay	285.474.802	125.634.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	117.272.725	332.997.038
Khác	72.527.341	5.876.875
TỔNG CỘNG	<u>475.274.869</u>	<u>464.508.388</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I.2019</i>	<i>Quý I.2018</i>
Thu nhập khác	30.469.921	22.748.791
Tiền tài trợ từ nhà cung cấp	3.522.568	1.512.240
Thu nhập bán công cụ và thiết bị	17.554.640	11.305.344
Lãi từ thanh lý tài sản	325.931	-
Cho thuê tài sản	2.492.352	9.900
Thuế được hoàn	166.148	2.691.224
Tiền bồi thường bảo hiểm	12.202	15.370
Thu nhập từ dịch vụ đăng ký xe ô tô	100.996	67.695
Khác	6.295.084	7.147.018
Chi phí khác	(35.077.795)	(87.482.786)
Lỗ thanh lý tài sản	(13.763.260)	(75.098.192)
Giá vốn công cụ và thiết bị bán	(5.808.648)	(3.690.029)
Giá vốn tài sản cho thuê	(3.160.345)	(1.034)
Chi phí dịch vụ đăng ký xe ô tô	(44.241)	(29.689)
Khác	(12.301.301)	(8.663.842)
GIÁ TRỊ THUẦN	(4.607.874)	(64.733.994)

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế

Tuy nhiên phần lớn các công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN tùy thuộc vào loại hình hoạt động kinh doanh và địa điểm hoạt động của các công ty con. Thuế suất thuế TNDN ưu đãi dao động từ 10% đến 20% và được miễn và/ hoặc giảm thuế TNDN cho một số năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Quý I.2019</i>	<i>Quý I.2018</i>
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	60.969.123	81.763.316
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước		
(Lợi ích) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.757.575)	(2.251.648)
TỔNG CỘNG	58.211.548	79.511.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)


30.2 Thuế TNDN hiện hành


Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của công ty mẹ và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



30.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Ngàn VND Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Ngày 31	Ngày 31 tháng	Quý I.2019	Quý I.2018
	tháng 03	03 năm		
	năm 2019	2018		
Lợi nhuận chưa thực hiện	27.732.739	24.975.165	(2.757.575)	(2.251.648)
Dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Dự phòng hàng tồn kho	-	-	-	-
Khoản lỗ cty mẹ	-	-	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.375.995	1.375.995	-	-
Dự phòng đầu tư vào các cty con	(24.895.748)	(24.895.748)	-	-
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản cty DQM	(205.297.967)	(205.297.967)	-	-
CỘNG	(201.084.982)	(203.842.556)	(2.757.575)	(2.251.648)
<i>Trong đó:</i>				
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.212.986		(2.757.575)	(2.251.648)
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(205.297.967)			


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 04 năm 2019